

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày 13 - 5 - 2022

*V/v Tranh chấp chia di sản thừa
kế và Hủy quyết định cá biệt*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Bảo

Ông Phan Hải Thanh

- Thư ký pH tòa: Bà Lê Thị Xuân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia pH tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 4 năm 2022; ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp chia thừa kế tài sản và hủy quyết định cá biệt” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/02/1960; Trú tại: Số nhà 76, đường C, khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Bà Lê Thị Kim S – Luật sư, Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 03/02/1959; Trú tại: khối T, phường V, thành phố Vinh, Nghệ An. Có mặt ngày 27/4/2022; vắng mặt ngày 13/5/2022.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1963; Trú tại: khối T, phường V, thành phố Vinh, Nghệ An. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1965; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hiện đang sinh sống: Waltersdorferstr 82.12526 Berlin Germany, CHLB Đức. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Trú tại: khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khối C, phường C, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1959. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Đều trú tại: khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

6. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987. Địa chỉ HKTT trước khi xuất cảnh: khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hiện đang sinh sống tại: Rhin StraBe 123.10315 Berlin Germany, CHLB Đức. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1987. Địa chỉ HKTT trước khi xuất cảnh: khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hiện đang sinh sống tại: Maxie-Wande 15.12619 Berlin Germany, CHLB Đức. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của anh T, anh H: Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1959; trú tại: khối T, phường V, TP. Vinh, Nghệ An. Vắng mặt;

8. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 (Vợ ông Kh). Vắng mặt;

9. Anh Nguyễn Ng T, sinh năm 2004 (Con ông Kh). Vắng mặt;

Đều trú tại: khối T, phường V, thành phố Vinh, Nghệ An.

10. Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1993 (Con ông Kh). Vắng mặt;

Trú tại: Xã D, huyện D, Nghệ An.

11. Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1997 (con ông Kh). Vắng mặt;

Trú tại: khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

12. UBND V, tỉnh Nghệ An. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy H - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, hòa giải và tại pH tòa ông Nguyễn Văn T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày: Bố ông T là Nguyễn

Văn Th, sinh năm 1921, chết năm 1980; mẹ là Võ Thị H, sinh năm 1926, chết năm 2015; bố mẹ ông T sinh được 06 anh, chị, em là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1959; Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1963; Nguyễn Thị D, sinh năm 1961 (chết năm 2015) và Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1965. Lúc sinh thời bố mẹ T có tạo dựng một số tài sản là thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 1.864,9m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Cả gia đình sinh sống ổn định trên mảnh đất này đến năm 1980 thì ông, Nguyễn Văn Th qua đời không để lại di chúc. Sau khi cụ Th chết, cụ H và anh, chị, em tiếp tục sinh sống trên thửa đất cho đến khi lập gia đình và ở riêng, trên thửa đất chỉ còn cụ H và gia đình ông Nguyễn Văn Kh sinh sống. Đến năm 2015, cụ H chết cũng không để lại di chúc.

Sau khi mẹ (Cụ H) chết đến năm 2018 các anh, chị, em mới họp bàn về việc phân chia di sản là thửa đất mà bố mẹ để lại thì lúc này ông T mới biết năm 2010 cụ H đã tự ý làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất nêu trên và ngày 21/04/2011 Ủy ban nhân dân V đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 709696 đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An mang tên Võ Thị H. Sau đó, cụ Võ Thị H đã tặng cho ông Nguyễn Văn Kh toàn bộ diện tích đất nêu trên và đã được Ủy ban nhân dân V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 125677 ngày 29/06/2011 mang tên Nguyễn Văn Kh.

Cụ Nguyễn Văn Th (Bố ông T) chết không để lại di chúc, việc cụ Võ Thị H tự ý kê khai hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất là tài sản chung của vợ chồng cụ Th, cụ H và sau đó tự ý tặng cho ông Nguyễn Văn Kh mà không có ý kiến của ông T cũng như những người thừa kế của cụ Th theo pháp luật quy định là xâm phạm đến quyền lợi của anh, chị, em ông T. Năm 2015 cụ Võ Thị H chết không để lại di chúc. Vì vậy, ông T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết:

Chia di sản thừa kế của bố, mẹ ông T (Cụ Th, cụ H) là quyền sử dụng thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 1.864,9m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho anh, chị, em.

Hủy Quyết định về việc cấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD709696 mà UBND V cấp ngày 21/04/2011 cho bà Võ Thị H đối với thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hủy Quyết định về việc cấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

BE125677 mà UBND V cấp ngày 29/06/2011 cho ông Nguyễn Văn Kh đối với thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m² có địa chỉ tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Kh trình bày: Bố, mẹ ông Kh là cụ Nguyễn Văn Th, sinh năm 1921, chết năm 1980 và cụ là Võ Thị H, sinh năm 1926, chết năm 2015. Vợ chồng cụ Th, cụ H sinh 06 anh chị em, họ tên, năm sinh đúng như ông T trình bày. Bố mẹ ông Kh (Cụ Th, cụ H) khi còn sống có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Diện tích thửa đất có tăng thêm như hiện nay là do gia đình ông Kh khai hoang, coi nói. Khi bố mẹ còn sống thì gia đình đều ở trên thửa đất, sau đó các anh, chị, em lập gia đình và ra ở riêng, còn ông Kh lấy vợ ở cùng với cụ H cho đến năm 2015 cụ H chết, gia đình ông Kh vẫn tiếp tục ở trên thửa đất đó cho đến nay. Năm 2011, cụ bà Võ Thị H (Mẹ ông Kh) đã làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất có diện tích 945,4m² cho ông Kh và ông nộp thủ tục lên UBND V để cấp Bìa đỏ hợp pháp trong năm 2011. Từ đó đến nay gia đình ông Kh là người thực hiện các nghĩa vụ Nhà nước đối với thửa đất. Năm 2003 gia đình ông Kh làm nhà ở ổn định, không có tranh chấp.

Nay ông T yêu cầu chia di sản thừa kế của bố, mẹ (Cụ Th, cụ H) diện tích 1.864,9m², thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ông Kh không đồng ý vì di sản của bố mẹ (Cụ Th, cụ H) để lại là diện tích 945,4m², diện tích còn lại là do gia đình ông Kh khai hoang. Và diện tích 945,4m² đã được cụ Võ Thị H chuyển nhượng hợp pháp cho ông Kh đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, nên ông Kh không đồng ý đưa vào là di sản của bố mẹ để chia. Đối với phần diện tích tăng thêm do coi nói khai hoang, ông Kh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật thừa kế và Luật đất đai.

Đối với yêu cầu của ông T về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mang tên của cụ Võ Thị H và Nguyễn Văn Kh đã được UBND V cấp đúng quy định của pháp luật, nên ông Kh không đồng ý các yêu cầu của ông T.

Bà Nguyễn Thị Th , chị Nguyễn Thị Thu Th , chị Nguyễn Thị Thanh V , anh Nguyễn Ng T là vợ và các con của ông Kh; trong quá trình giải quyết tranh chấp đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bà Th , chị Th , chị V , anh T không có mặt cũng không có ý kiến gì.

Bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày: Bố là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1921, chết năm 1980; mẹ là Võ Thị H, sinh năm 1926, chết năm 2015. Cụ Th, cụ H sinh được 06 chị em như anh T, ông Kh trình bày. Cụ Th, cụ H

tạo dựng được khối tài sản là thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 1.864,9m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Cả gia đình sinh sống ổn định trên mảnh đất đến khi các anh, chị, em lần lượt lập gia đình và ra ở riêng, chỉ còn lại ông Nguyễn Văn Kh lấy vợ ở cùng cụ H. Cụ Th chết năm 1980, cụ H chết năm 2015, không ai để lại di chúc.

Năm 2011, mẹ Võ Thị H có nói với bà H, bà Ng cho ông Nguyễn Văn Kh thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, tại khối Tân Phương, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có diện tích 945,4m², vì ông Nguyễn Văn T đã xin cơ ngơi ở nơi khác. Sau đó ông Kh đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Kh. Đối với diện tích đất còn lại, do gia đình cụ H, ông Kh khai hoang, coi nơi chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế của bố, mẹ để lại, diện tích 1.864,9m² thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Bà H, bà Ng đồng ý chia thừa kế, nhưng với phương án; đối với thửa đất có diện tích 945,4m² cụ H đã cho ông Kh thì tiếp tục để ông Kh quản lý, sử dụng theo ý nguyện của cụ H. Đối với diện đất còn lại thì chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các 06 chị, em. Ý kiến của bà H, bà Ng nếu được chia phần di sản của bố mẹ (Cụ Th, cụ H) thì yêu cầu được lấy bằng hiện vật là đất.

Bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt tại pH tòa nhưng có bản khai trình bày: Bố là Nguyễn Văn Th và mẹ Võ Thị H, ngày tháng năm chết, sinh được 06 chị em, họ tên và 02 cụ chết không ai để lại di chúc như anh T trình bày. Vợ chồng cụ Th, cụ H (Bố mẹ bà Ng) tạo dựng được khối tài sản là thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 1.864,9m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Cả gia đình sinh sống ổn định trên mảnh đất đến khi các anh, chị, em lần lượt lập gia đình và ra ở riêng, chỉ còn lại ông Nguyễn Văn Kh là ở lại với mẹ là cụ H. Sau khi cụ H qua đời thì đến năm 2018 các anh, chị, em mới họp bàn về việc phân chia di sản là thửa đất mà bố mẹ để lại thì mới biết năm 2010 mẹ là Võ Thị H đã tự ý làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất nêu trên và ngày 21/04/2011 UBND V đã cấp giấy chứng nhận QSD mang tên Võ Thị H, sau đó mẹ đã làm thủ tục tặng cho ông Nguyễn Văn Kh toàn bộ diện tích đất nêu trên và đã được ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp giấy chứng nhận QSD đất số BE125677.

Nay ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 1864,9m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD709696 mà UBND V cấp ngày 21/04/2011 cho bà Võ Thị H và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125677 mà UBND V cấp ngày 29/06/2011 cho

ông Nguyễn Văn Kh tại thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà Ng đề nghị Quý tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hữu Toàn và anh Nguyễn Hữu Hùng vắng mặt, nhưng có bản khai trình bày: Mẹ anh T, anh H là bà Nguyễn Thị D, con gái của cụ Nguyễn Văn Th (sinh năm 1921, chết năm 1980) và cụ Võ Thị H (sinh năm 1926, chết năm 2015). Năm 2015, bà Nguyễn Thị D chết. Vợ chồng cụ Th, cụ H là ông bà ngoại có khối tài sản chung là thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 1864,9m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Năm 2018 các thành viên trong gia đình mới biết năm 2010 cụ Võ Thị H đã tự ý làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất và ngày 21/04/2011 Ủy ban nhân dân V đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số BD 709696. Sau đó cụ Võ Thị H đã tặng cho ông Kh toàn bộ diện tích đất nêu trên và đã được Ủy ban nhân dân V cấp giấy chứng nhận QSD đất số BE 125677 ngày 29/06/2011 mang tên Nguyễn Văn Kh.

Nay ông Nguyễn Văn T đang khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 1.864,9m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An của cụ Nguyễn Văn Th và cụ Võ Thị H để lại và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD709696 của UBND V cấp ngày 21/04/2011 cho bà Võ Thị H; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125677 mà UBND V cấp ngày 29/06/2011 cho ông Nguyễn Văn Kh, thuộc thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, anh H, anh T đề nghị Quý tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu A, chị Nguyễn Thị O (chồng và con của bà Nguyễn Thị D, chết năm 2015), đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt, cũng không có ý kiến gì về vụ án.

Đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân V có ý kiến trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ cấp đất và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng của cụ Võ Thị H và ông Nguyễn Văn Kh đã được UBND V thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật. Nên việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu Hủy Quyết định về việc cấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD709696 mà UBND thành phố Vinh cấp ngày 21/04/2011 cho bà Võ Thị H đối với thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và Hủy Quyết định về việc cấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125677 mà UBND khối T,

phường V cấp ngày 29/06/2011 cho ông Nguyễn Văn Kh đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân V không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích đất 919,5m², thuộc thửa số 28 (Nay thửa 60), tờ bản đồ 19, tại Văn bản số 39/BC-UBND ngày 21/01/2022 của UBND V, thành phố Vinh xác định; do gia đình khai hoang, coi nói sử dụng sau năm 1993 trước ngày 01/7/2004, phù hợp quy hoạch, hiện chưa cấp QSD đất phần diện tích này. Theo các quy định của pháp luật về đất đai, thửa đất được xem xét cấp GCNQSD là đất trồng cây hàng năm (Không thuộc đất vườn). Nay cụ Võ Thị Hòa chết, phần diện tích đất 919,5m² được chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 05/6/2020 xác định diện tích thửa đất các bên đang tranh chấp có diện tích 1.864,9m² (trong đó diện tích 945,4m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 919,5m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 19 tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá:

Diện tích 750m² đất ở x 6.000.000đồng/m² = 4.000.000.000đồng; Diện tích 1.114,9m² đất vườn, đất trồng cây hàng năm x 100.000đồng/m² = 111.490.000đồng;

Trị giá toàn bộ diện tích đất là: 4.111.490.000đồng.

Tài sản trên đất: Nhà vệ sinh, khu vực chăn nuôi tạm bợ nằm tách khỏi khu vực nhà ở của ông Kh các đương sự thỏa thuận có giá 3.000.000đồng; các loại cây cối trên đất các đương sự thỏa thuận và thống nhất áp giá theo Quyết định 74/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Nghệ An không định giá.

Ngôi nhà và các công trình đi kèm của vợ chồng ông Kh, bà Thu xây dựng tọa lạc trên phần đất phía Đông không phải là di sản thừa kế các đương sự không yêu cầu nên không thẩm định, định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia pH tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người T hành tố tụng từ khi thụ lý, giải quyết vụ án và tại pH tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ, một số đương sự chấp hành chưa nghiêm túc theo triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; hủy các Quyết định về việc cấp và giấy chứng nhận QSD đất

của UBND thành phố Vinh cấp năm 2011 cho cụ Võ Thị H và ông Nguyễn Văn Kh; chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Th là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối Tân Phụng (nay là khối Tân An), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; chia thừa kế phần di sản của cụ H diện tích đất 919,5m², thuộc thửa số 28 (Nay thửa 60), tờ bản đồ 19, tại khối Tân Phụng (Nay là khối Tân An), phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nếu phần thừa kế được hưởng không đủ điều kiện tách thửa thì nhập giao chung của hai hoặc ba người, những người liên quan có thể thỏa thuận phân chia giá trị khi có yêu cầu. Miễn án phí sơ thẩm cho những người thuộc diện cao tuổi; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, người đại diện theo ủy quyền của các đương sự; kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Các đương sự tranh chấp với nhau về quyền thừa kế đối với tài sản là thửa đất số thửa số 28, tờ bản đồ 19, tại khối Tân Phụng khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là di sản của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Võ Thị H và yêu cầu hủy Quyết định về việc cấp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD709696 ngày 21/04/2011 của UBND V cấp cho bà Võ Thị H và hủy Quyết định về việc cấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125677 ngày 29/06/2011 mà UBND V cấp cho ông Nguyễn Văn Kh đối với thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m² nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo Điều 623 BLDS 2015 quy định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là 30 năm kể từ thời điểm người để lại di sản chết và Tòa án nhân dân Tối Cao đã có giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 “ ...Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990”. Như vậy,

cụ Nguyễn Văn Th, chết trước năm 1990 theo quy định pháp luật vẫn còn thời hiệu thừa kế.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng các đương sự không có mặt, không có lý do. Do đó Tòa án sơ thẩm T hành giải quyết, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về cầu hủy Quyết định về việc cấp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD709696 ngày 21/04/2011 của UBND thành phố Vinh cấp cho bà Võ Thị H và hủy Quyết định về việc cấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125677 ngày 29/06/2011 của UBND V cấp cho ông Nguyễn Văn Kh, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định và thừa nhận; thửa đất số 28, tờ bản đồ 19, tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc do vợ chồng cụ Nguyễn Văn Th, cụ Võ Thị H sử dụng từ năm 1946. Năm 1980 cụ Th chết không để lại di chúc. Ông Nguyễn Văn T cho rằng, sau khi cụ Th chết, mẹ ông là cụ H đã tự ý làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất và ngày 21/04/2011 Ủy ban nhân dân V cấp giấy chứng nhận QSD đất số BD709696 cho cụ Võ Thị H. Sau đó cụ Võ Thị H làm thủ tục tặng cho ông Kh toàn bộ diện tích đất nêu trên và đã được Ủy ban nhân dân V cấp giấy chứng nhận QSD đất số BE125677 ngày 29/06/2011 mang tên Nguyễn Văn Kh. Trong quá trình giải quyết tranh chấp ông Kh cũng xác định, thừa nhận; thửa đất cụ H chuyển nhượng cho ông Kh có nguồn gốc cụ ông Th, cụ H. Khi cụ H và ông Kh làm thủ tục kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Kh cũng không được sự thống nhất, thỏa thuận của các đồng thừa kế của cụ Th. Do đó yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD709696 mang tên Võ Thị H và hủy giấy chứng nhận QSD đất số BE125677 ngày 29/06/2011 mang tên Nguyễn Văn Kh là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Th và cụ Võ Thị H, xét thấy: Vợ chồng cụ Th, cụ H có khối tài sản là quyền sử dụng đất, diện tích 1.864,9m² tại khối khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong đó có 945,4m² khi còn sống cụ H chuyển nhượng cho ông Kh và được UBND V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125677 ngày 29/06/2011 mang tên Nguyễn Văn Kh và quá trình sinh sống trên thửa đất cụ H và gia đình ông Kh có khai hoang, cới nói thêm diện tích 919,5m² (nay thửa 60), nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Văn bản số 39/BC-UBND ngày 21/01/2022 và kết quả xác minh ngày 12/5/2022 UBND V, thành phố Vinh xác định; diện tích 919,5m² đất này được cơ quan có thẩm

quyền về quản lý đất đai xác định thuộc thửa đất số 28 (nay thửa 60), tờ bản đồ 19 tại V do gia đình khai hoang, coi nói sử dụng sau năm 1993, trước ngày 01/7/2004 phù hợp quy hoạch có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất loại đất trồng cây hàng năm.

Như vậy, có căn cứ xác định, di sản thừa kế của cụ Th, cụ H là quyền sử dụng đất đối với thửa thửa đất số 28, tờ bản đồ số 19, tổng diện tích 945,4m² (Trong đó 750m² đất ở, 195,4m² đất vườn); 919,5m² đất trồng cây hàng năm do cụ H và vợ chồng ông Kh, bà Thu khai hoang, coi nói sau năm 1993, tại khối T, phường V, thành phố Vinh, Nghệ An. Cụ Th, cụ H chết không để lại di chúc nên di sản của hai cụ để lại được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn Th và cụ Võ Thị H có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1956; ông Nguyễn Văn Kh sinh năm 1959; ông Nguyễn Văn T sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị D sinh năm 1961 (chết ngày 15/01/2015) và bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1965. Bà Nguyễn Thị D có chồng là ông Nguyễn Hữu An; bà D chết ngày 15/01/2015, cụ H chết ngày 02/3/2015; bà D, ông An có 03 con là Nguyễn Thị O , Nguyễn Hữu T và Nguyễn Hữu H . Vì bà D chết trước cụ H nên 03 người con của bà D được hưởng suất thừa kế của bà Nguyễn Thị D.

Cụ Th chết năm 1980, cụ H chết năm 2015 không để lại di chúc. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị Ng đều xác định: Cụ Th, cụ H chết để lại quyền sử dụng đối với diện tích 1.864,9m² đất thổ cư (trong đó có 945,4m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 19, tại khối T, phường V, thành phố Vinh, Nghệ An, ngoài ra không có tài sản nào khác;

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định; vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị Thu sống trên thửa đất cùng với cụ H từ năm 1993. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh xây dựng ngôi nhà via cấp bốn năm 2003 và cùng cụ H khai hoang, coi nói, tôn tạo thửa đất tăng lên 919,5m² sử dụng đến nay.

Căn cứ thực trạng, nhu cầu sử dụng đất của các đương sự và công sức trong việc duy trì, tôn tạo đất. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị Thu cùng cụ H khai hoang thêm 919,5m² diện tích đất trồng cây hàng năm. Hơn nữa khi còn sống cụ H có nguyện vọng tặng cho ông Kh sử dụng phần diện tích đất của cụ H, nên cần giao cho ông Kh phần diện tích đất của cụ H trong số diện tích 945,4m² là di sản của cụ Th, cụ H để lại. Đối với phần diện tích 919,5m² đất trồng cây hàng năm, do vợ chồng ông Kh, bà Thu, cụ H khai hoang sau năm 1993, sau khi cụ Th

chết, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, thuộc quyền sử dụng của 03 người gồm, cụ H, ông Kh, bà Thu. Cụ H chết không để lại di chúc nên phần di sản này của cụ H được chia thừa kế theo pháp luật. Căn cứ thực trạng thửa đất và các công trình của gia đình ông Kh tọa lạc trên đất, nên cần trích, chia phần diện tích đất cho gia đình ông Nguyễn Văn Kh phần đất có ngôi nhà và các công trình đi kèm để gia đình ông Kh tiếp tục sở hữu, sử dụng ổn định.

Theo hiện trạng thửa đất thì các gia đình ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị Ng và các con của bà D cần có một lối đi chung. Do đó, diện tích 1.864,9m² được trích, chia cụ thể như sau:

1. Diện tích 945,4m² là di sản của cụ Th, cụ H được trích chia như sau:

- Phần của cụ H $\frac{1}{2}$ 472,2m² (375m² đất ở, 97,2m² đất vườn) giao cho ông Kh sử dụng.

- Phần của cụ Th $\frac{1}{2}$ 472,2m² (375m² đất ở, 97,2m² đất vườn). Trích công sức tôn tạo cho vợ chồng ông Kh, bà Thu 52,2m² (25m² đất ở, 27,2m² đất vườn). Còn lại 420m² chia cho 07 suất thừa kế của cụ Th gồm, cụ H, ông Kh, bà D, bà H, bà Ng, ông T, bà Ng mỗi người được hưởng 60m² (50m² đất ở, 10m² đất vườn), trị giá 201.000.000 đồng. Suất của cụ H giao cho ông Kh sử dụng.

2. Trích một phần diện tích đất trồng cây hàng năm để làm lối đi chung, diện tích 113,5m² còn lại 806m².

Diện tích 806m² đất trồng cây hàng năm do vợ chồng ông Kh, cụ H khai hoang, sau khi trích lối đi chung và $\frac{2}{3}$ diện tích, trích cho vợ chồng ông Kh, bà Thu 539m², còn lại diện tích 267m² di sản của cụ H được chia thừa kế cho 06 suất gồm, ông Kh, các con bà D, ông T, bà H, bà Ng, bà Ng, mỗi suất được hưởng 44,50m², trị giá 4.500.000 đồng.

Tổng hợp: Vợ chồng ông Kh, bà Thu được trích chia 1.228,7m², trong đó: 500m² đất ở, 144,4m² đất vườn, 584,3m² đất trồng cây hàng năm.

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D (Suất của bà D ông An, chị Oanh, anh Toàn, anh Hùng là chồng, các con bà D được hưởng) mỗi suất được chia tương đương 104,5m², trị giá 204.500.000 đồng.

Theo quy định của UBND v về quy hoạch, phát triển đô thị, diện tích đất các thừa kế được chia chiều rộng không đủ điều kiện để tách thửa cho từng người. Căn cứ nhu cầu sử dụng và để đảm quyền tự định đoạt phần thừa kế của mình. Hơn nữa,

quá trình giải quyết tranh chấp một số đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có mặt cũng không có quan điểm của mình. Do đó cần nhập các phần thừa kế của bà H, bà Ng chung 01 thừa, ông T, bà Ng và các đồng thừa kế của bà D chung 01 thừa. Các bên đương sự có thể yêu cầu phân chia bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với các loại tài sản trên đất: Ngôi nhà và các công trình đi kèm do vợ chồng ông Kh tạo lập không thuộc di sản thừa kế và toàn bộ tài sản, cây cối tọa lạc trên phần diện tích đất trích chia cho vợ chồng ông Kh, bà Thu, nên vợ chồng ông Kh tiếp tục được sở hữu, sử dụng, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các loại tài sản, cây cối trên các phần diện tích đất chia cho các thừa kế khác, gồm các loại cây, bụi tre... do vợ chồng ông Kh trồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án yêu cầu ông T hành thẩm định để xác định giá trị, nhưng ông Kh là người có tài sản không hợp tác, nên không thể xác định được. Do đó cần buộc vợ chồng ông Kh phải thu hoạch, di dời các loại cây của mình trên các phần đất chia cho các thừa kế để giao các diện tích đất được chia cho các thừa kế.

Các đương sự và những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hữu An là những người được nhận di sản, nhưng thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị Oanh, anh Nguyễn Hữu Hùng và anh Nguyễn Hữu Toàn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối với phần di sản mình được hưởng.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chi phí, thẩm định, định giá tài sản 9.900.000 đồng ông T đã nộp, các đương sự không thống nhất chịu nên cần buộc các đương sự phải chịu và hoàn trả lại cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, 34, 37, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 674, 675, 676, 677 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 623, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 105 Luật đất đai năm 2003; Điều 98, 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-Cp và khoản 18 Điều 2 Nghị định số

01/2017/NĐ-CP; Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Tuyên xử:

1. Hủy Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 21/4/2011 về việc cấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD709696 ngày 21/04/2011 do UBND thành phố Vinh cấp cho bà Võ Thị H đối với thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hủy Quyết định số 5064/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 về việc cấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125677 ngày 29/06/2011 do UBND thành phố Vinh cấp cho ông Nguyễn Văn Kh đối với thửa số 28, tờ bản đồ 19, diện tích 945,4m², tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

UBND V, tỉnh Nghệ An phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Th và cụ Võ Thị H để lại là quyền sử dụng đất đối thửa số 28, tờ bản đồ số 19, tại khối T, phường V, Thành phố Vinh, Nghệ An với diện tích 1.864,9m² (trong đó có 945,4m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Kh và 919,5m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) hiện đang do ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị Thu quản lý, sử dụng có giá trị 4.111.490.000 đồng; chia trích cụ thể như sau:

2.1. Trích diện tích 113,5m² đất trồng cây hàng năm làm ngõ đi chung các hộ gia đình, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 39 và đường bờ, có chiều dài 2,54m + 12,34m + 26,03m + 9,01m; Phía Nam giáp các phần đất ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Hữu T được giao có chiều dài 31,41m + 3,04m + 3,00m + 2,96m + 2,94m + 2,88m + 3,93m; Phía Tây giáp thửa đất số 20 rộng 2,13m; Phía Đông giáp đường dân cư rộng 5,19m.

2.2. Trích; chia cho ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị Thu được sử dụng 1.228,7m² (Thừa kế 104,7m²), trong đó: 500m² đất ở, 144,4m² đất vườn, 584,2m² đất trồng cây hàng năm, thuộc thửa đất 28 (và thửa 60), tờ bản đồ số 19, tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi chung và đường dân cư có chiều dài 3,04m + 31,41m + 1,51m + 3,0m; Phía Nam giáp đường bờ có chiều dài 3,06m + 37,24m; Phía Tây giáp với thửa đất chia cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ng và các thừa kế của bà Nguyễn Thị D có

chiều dài 34,65m; Phía Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T (Thửa đất 63) có chiều dài 27,4m.

(Gồm: 532,2m² cụ H tặng cho; được trích công sức diện tích 52,2m²; đất trồng cây hàng năm khai hoang, coi nói 539,6m²; suất thừa kế của ông Kh 104,7m²; tổng giá trị tài sản là 2.728.600.000 đồng, trong đó suất thừa kế ông Kh được chia trị giá 204.700.000 đồng).

2.3. Chia cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ng và các thừa kế của bà Nguyễn Thị D được sử dụng 313,8m² (mỗi suất 104,6m², trị giá 204.600.000đ), thuộc thửa 28 (và thửa 60), tờ bản đồ số 19, (trong đó, 150m² đất ở, 30m² đất vườn và 143,8m² đất đất trồng cây hàng năm) tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi chung rộng 3,00m + 2,96m + 2,94m; Phía Nam giáp đường bờ rộng 3,02m + 2,98m + 2,94m; Phía Tây giáp phần đất của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc được chia có chiều dài 35,94m; Phía Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Kh được trích, chia có chiều dài 34,65m.

2.4. Chia cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng được sử dụng 208,9m² (mỗi suất 104,45m², trị giá 204.450.000đ), thuộc thửa 28 (và thửa 60), tờ bản đồ số 19, (trong đó, 100m² đất ở, 20m² đất vườn và 88,9m² đất đất trồng cây hàng năm) tại khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi chung rộng 2,88m + 3,93m; Phía Nam giáp đường bờ và thửa đất 86 rộng 2,90m + 2,68m; Phía Tây giáp thửa đất 86 và thửa đất số 20 có chiều dài 24,25m + 7,57m + 4,16m; Phía Đông giáp phần đất của Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ng và các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị D được chia có chiều dài 35,94m.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng và các thừa kế của bà Nguyễn Thị D có thể khởi kiện phân chia phần thừa kế được hưởng bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

(Chi tiết các phần đất có sơ đồ kèm theo Bản án).

3. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị Thu phải tháo dỡ, di dời các tài sản và các loại cây trồng trên các phần đất được chia cho bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Văn T, các thừa kế của bà D và giao các phần đất cho họ quản lý, sử dụng.

Các bên đương sự và những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về án phí:

4.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hữu An.

4.2. Buộc bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 10.222.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Buộc bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 10.222.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.4. Buộc chị Nguyễn Thị Oanh, anh Nguyễn Hữu Hùng và anh Nguyễn Hữu Toàn mỗi người phải chịu 2.555.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T mỗi người 1.650.000 đồng; chị Nguyễn Thị Oanh, anh Nguyễn Hữu Hùng và anh Nguyễn Hữu Toàn phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T mỗi người 550.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Các đương sự có mặt tại pH tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Các đương sự vắng mặt tại pH tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản sao bản án.

5.3. Bà Nguyễn Thị Ng, anh Nguyễn Hữu Hùng, anh Nguyễn Hữu Toàn đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PH TÒA**

Phạm Văn Phấn